

29/07/2020

# NHTM Cổ Phần Á Châu

## Nền tảng thu nhập ngoài lãi vững chắc

- Lợi nhuận 2Q20 đi ngang dù tăng trưởng tín dụng tốt.
- Lợi nhuận từ mua bán và đầu tư chứng khoán là 389 tỷ.
- Bancassurance sẽ tăng tốc trong nửa cuối năm.

### Lợi nhuận sau thuế đi ngang ở mức 1.5 nghìn tỷ

ACB báo cáo lợi nhuận sau thuế của cổ đông kiểm soát trong 2Q20 ở mức 1.5 nghìn tỷ, đi ngang trong 5 quý liên tiếp. Tổng thu nhập hoạt động (TOI) giảm 6.3% qoq xuống còn 4.1 nghìn tỷ do việc NIM giảm về mức 3.3%, trong khi thu nhập ngoài lãi vẫn duy trì ở mức 990 tỷ. Chi phí hoạt động giảm 25% so với quý trước xuống còn 1.8 nghìn tỷ do chi phí nhân viên không tăng đột biến như 1Q20. Chi phí dự phòng tín dụng tăng vọt lên 440 tỷ trong 2Q20 (từ 93 tỷ trong 1Q20). Đáng chú ý, phần lớn khoản chi phí dự phòng (~330 tỷ) tăng thêm này chủ yếu đến từ các khoản cho vay liên ngân hàng, vốn có rủi ro thấp đặc biệt khi hiện tại thanh khoản trên liên ngân đang khá dồi dào. Dự phòng cho vay khách hàng ở mức ổn định với 114 tỷ mà không có sự thay đổi đáng kể nào về chất lượng tài sản ngoại trừ 9 nghìn tỷ dư nợ được tái cơ cấu do COVID-19.

### Tiền gửi tích cực và thu nhập ngoài lãi vững chắc

Lượng tiền gửi của khách hàng đã tăng thêm 7.3% so với năm ngoái, lên mức 331 nghìn tỷ trong khi cho vay chỉ tăng 5.6% đạt 281 nghìn tỷ. Do chính sách mở rộng tín dụng một cách cẩn trọng trong bối cảnh dịch bệnh khó lường nên việc tăng trưởng tiền gửi mạnh hơn cho vay đã tạo áp lực lên NIM. Chúng tôi cho rằng, ACB vẫn sẽ duy trì chính sách thận trọng với hoạt động cho vay mới trong thời điểm này. Tuy nhiên, một số khoản vay ảnh hưởng bởi COVID-19 đã hết thời gian cơ cấu và việc thanh toán lãi vay trở lại có thể giúp cải thiện NIM trong 2H20.

Thu nhập ngoài lãi (NFI) ổn định ở mức 1.9 nghìn tỷ trong 1H20. Mặc dù đã phân loại 205 tỷ phí thế tín dụng vào thu nhập lãi nhưng NFI vẫn tăng 16% so với cùng kỳ. Đáng chú ý, phần chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh đem lại lợi nhuận vượt trội với 753 tỷ khi ACB hiện thực hóa một phần danh mục TPCP đầu tư.

Đánh giá **MUA (Duy trì)**

Giá mục tiêu **28,900**

Lợi nhuận **+30.2%** (gồm 0% cổ tức tiền mặt)

#### Thông kê

VNIndex (29/07, điểm)	791
Giá cp (29/07, đồng)	22,200
Vốn hóa (tỷ đồng)	36,913
SLCP lưu hành (triệu)	2,162
Cao/ Thấp 52 tuần (đồng)	26,600/17,800
GTGD TB 6T (tỷ đồng)	100
Tỷ lệ CP tự do / Sở hữu NN (%)	77.2/30.0
Cổ đông lớn (%)	
Dragon Capital	14.1
ALP Asia Finance	10.0
Trần Hùng Huy (Chủ tịch) và gia đình	6.1
Estes Investment Ltd	5.0

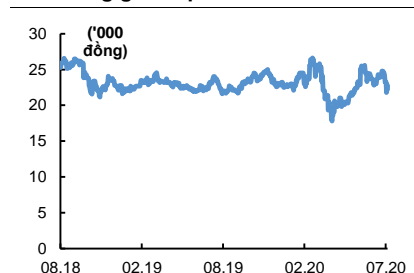
#### Định giá

	2019A	2020F	2021F
PB (x)	1.3	1.1	0.9
PE (x)	6.1	5.8	5.3
ROA (%)	1.7	1.6	1.5
ROE (%)	24.6	20.7	18.8
Cổ tức (%)	-	-	2.3
P/LNTDPTD (x)	4.6	3.7	3.2
BPS (đồng)	16,761	20,547	24,196
EPS (đồng)	3,568	3,788	4,419

#### Biến động giá cổ phiếu

	1T	6T	12T
Tuyệt đối (%)	(3.1)	(9.4)	(3.5)
Tương đối với VNI (điểm %)	1.2	10.1	15.7

#### Xu hướng giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

**Trần Yên**

yen.tt@kisvn.vn

## Cơ sở khách hàng vững chắc sẽ thúc đẩy thu nhập ngoài lãi

Chúng tôi lặp lại khuyến nghị MUA với giá mục tiêu là 28,900 đồng cho cổ phiếu ACB. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng dự kiến sẽ tăng lên 1.2 nghìn tỷ trong 2H20 (từ 530 tỷ tại 1H20). Tuy nhiên, thu nhập ngoài lãi tăng mạnh với động lực chính là bancassurance sẽ bù đắp cho hoạt động tín dụng. Chúng tôi cho rằng, cơ sở khách hàng vững chắc sẽ giúp ACB tăng trưởng thu nhập ngoài lãi nhiều hơn nữa, đặc biệt là sau khi kí kết hợp đồng phân phối bảo hiểm độc quyền trong 4Q20.

**Bảng 1. Dự phóng kết quả kinh doanh**

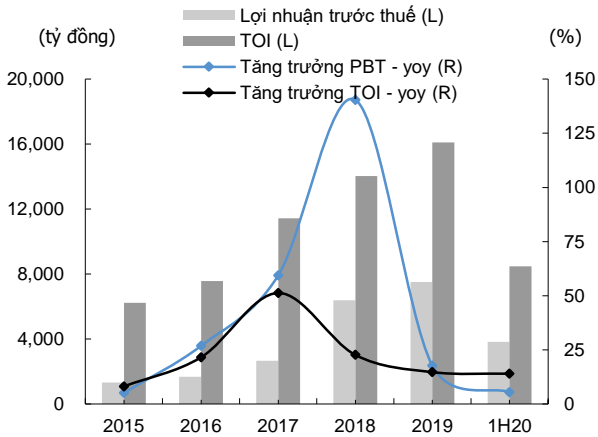
(tỷ đồng, %, điểm %)

	2019				2020		2019	2020F	2Q20	
	1Q	2Q	3Q	4Q	1Q	2Q			QoQ	YoY
Cho vay khách hàng và trái phiếu doanh nghiệp	237,358	250,704	256,052	268,701	274,794	283,755	268,701	301,824	3.3	13.2
% tăng trưởng (so với đầu năm)	3.0	8.8	11.1	16.6	2.3	5.6	16.6	12.3	-	(3.2)
Cho vay khách hàng	237,358	250,704	256,052	268,701	274,794	283,755	268,701	301,824	3.3	13.2
NPL (Nợ nhóm 3-5)	1,623	1,656	1,704	1,449	1,792	1,919	1,449	2,642	7.1	15.9
NPL ratio (% , điểm %)	0.68	0.66	0.67	0.54	0.65	0.68	0.54	0.88	-	-
NPL (Nợ nhóm 2-5)	2,314	2,265	2,302	2,080	2,678	2,888	2,080	4,342	7.8	27.5
NPL ratio (% , %p)	1.0	0.9	0.9	0.8	1.0	1.0	0.8	1.4	-	0.1
Dự phòng cho vay (% , điểm %)	158.1	161.5	159.0	175.0	148.3	144.1	175.0	133.4	(4.2)	(17.4)
VAMC	-	40	-	-	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi khách hàng và trái phiếu	283,031	307,419	316,543	328,960	335,643	353,642	328,960	370,173	5.4	15.0
Tiền gửi khách hàng	275,070	291,280	298,007	308,129	312,654	330,551	308,129	346,732	5.7	13.5
% tăng trưởng (so với đầu năm)	1.9	7.9	10.4	14.1	3.4	7.3	14.1	12.5	3.9	(0.6)
CASA (% , điểm %)	16.1	16.6	16.5	18.2	15.9	17.5	18.2	18.6	1.6	(0.2)
<b>Tổng tài sản</b>	<b>335,803</b>	<b>350,938</b>	<b>358,175</b>	<b>383,514</b>	<b>387,396</b>	<b>396,760</b>	<b>383,514</b>	<b>431,959</b>	<b>2.4</b>	<b>13.1</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22,384</b>	<b>23,833</b>	<b>25,365</b>	<b>27,765</b>	<b>29,412</b>	<b>30,832</b>	<b>27,765</b>	<b>34,164</b>	<b>4.8</b>	<b>29.4</b>
Tổng thu nhập hoạt động	3,490	3,949	3,849	4,810	4,378	4,102	16,097	17,839	(6.3)	3.9
Thu nhập lãi ròng	2,857	2,903	3,023	3,330	3,419	3,112	12,112	13,297	(9.0)	7.2
NIM (% , điểm %)	3.62	3.56	3.57	3.76	3.71	3.31	3.57	3.42	(0.4)	(0.3)
Thu nhập ngoài lãi	634	1,046	826	1,480	959	990	3,985	4,542	3.3	(5.3)
Thu nhập phí ròng	452	589	661	625	514	579	2,327	2,878	12.8	(1.6)
Lãi từ chứng khoán đầu tư	48	-23	81	52	365	389	158	811	6.6	-
Thu nhập ngoài lãi khác	134	480	84	803	81	22	1,500	853	(72.7)	(95.4)
Dự phòng rủi ro tín dụng	-16	111	66	112	93	440	274	1,756	374.3	295.4
Thu nhập hoạt động ròng	3,506	3,837	3,782	4,698	4,286	3,663	15,824	16,083	(14.5)	(4.6)
SG&A	1,799	1,922	1,844	2,743	2,361	1,768	8,308	8,084	(25.1)	(8.0)
CIR (%)	51.5	48.7	47.9	57.0	53.9	43.1	51.6	45.3	(10.8)	(5.6)
<b>Lợi nhuận trước dự phòng</b>	<b>1,691</b>	<b>2,026</b>	<b>2,005</b>	<b>2,067</b>	<b>2,018</b>	<b>2,334</b>	<b>7,790</b>	<b>9,755</b>	<b>15.7</b>	<b>15.2</b>
Lợi nhuận trước thuế	1,707	1,915	1,939	1,955	1,925	1,895	7,516	7,999	(1.6)	(1.1)
Lợi nhuận ròng	1,366	1,533	1,549	1,549	1,537	1,522	6,010	6,399	(1.0)	(0.7)
<b>Lợi nhuận cổ đông kiểm soát</b>	<b>1,366</b>	<b>1,533</b>	<b>1,549</b>	<b>1,549</b>	<b>1,537</b>	<b>1,522</b>	<b>6,010</b>	<b>6,399</b>	<b>(1.0)</b>	<b>(0.7)</b>

### ■ Tổng quan về công ty

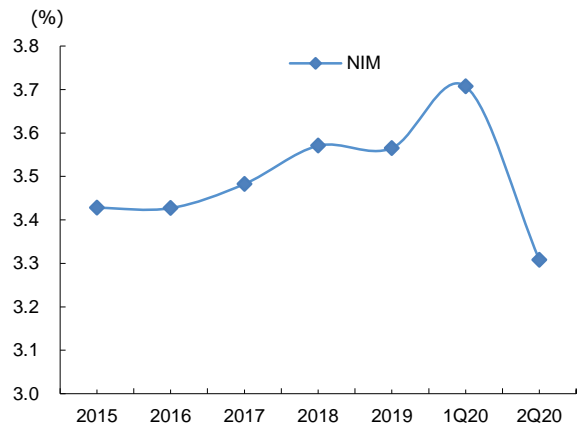
ACB là một trong những ngân hàng tư nhân hàng đầu Việt Nam, với 369 chi nhánh và điểm giao dịch trên 47 tỉnh/thành phố. ACB giữ vị thế đứng đầu trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ với hơn 3 triệu khách hàng. Gồm 4 công ty con là Công ty TNHH Chứng khoán ACB (vốn điều lệ 1.500 tỷ VND), Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản ACB (vốn điều lệ 340 tỷ VND), Công ty TNHH cho thuê tài chính ACB (vốn điều lệ 300 tỷ VND) và Công ty TNHH Quản lý quỹ ACB (vốn điều lệ 50 tỷ VND).

**Hình 1. Kết quả kinh doanh 1H20**



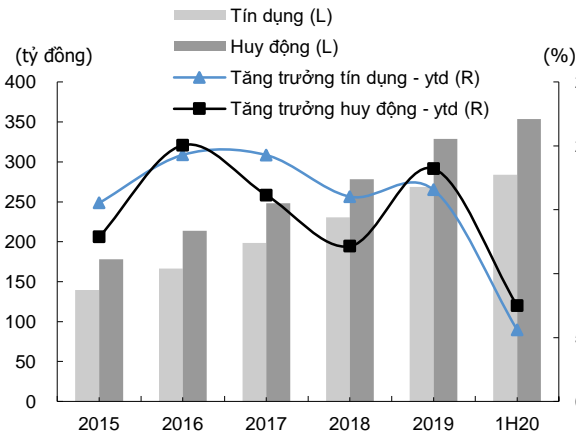
Nguồn: Dữ liệu công ty, KIS Việt Nam

**Hình 2. NIM**



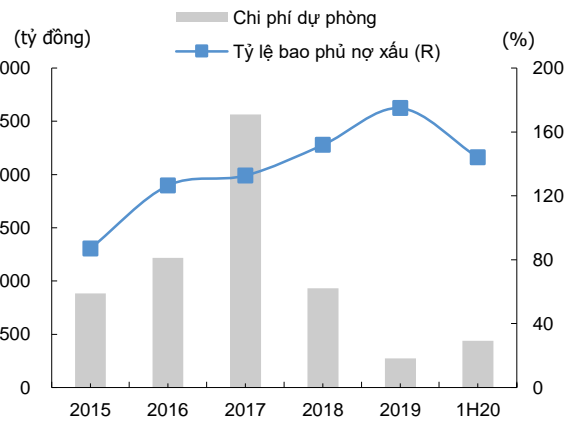
Nguồn: Dữ liệu công ty, KIS Việt Nam

**Hình 3. Tín dụng và Huy động**



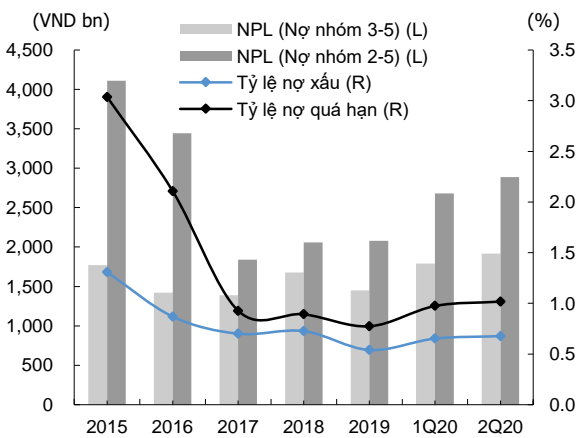
Nguồn: Dữ liệu công ty, KIS Việt Nam

**Hình 4. Dự phòng tín dụng**



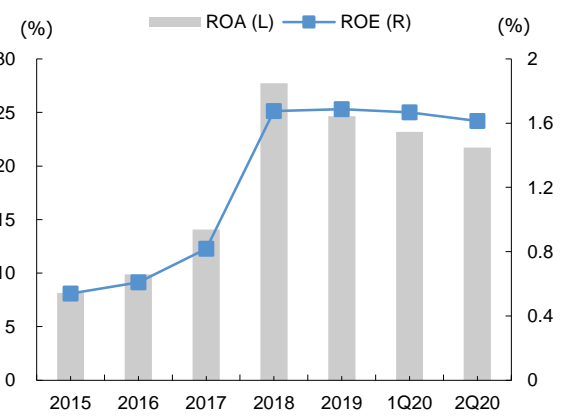
Nguồn: Dữ liệu công ty, KIS Việt Nam

**Hình 5. Tỷ lệ nợ xấu**



Nguồn: Dữ liệu công ty, KIS Việt Nam

**Hình 6. Khả năng sinh lời trượt 12 tháng**



Nguồn: Dữ liệu công ty, KIS Việt Nam

**Cân đối kế toán**

(Tỷ đồng)

	2017A	2018A	2019A	2020F	2021F
Tổng TS	284,316	329,333	383,514	431,959	480,440
Tổng TS sinh lãi	269,537	314,817	368,778	414,955	461,403
Cho vay và TPDN	198,689	230,527	268,701	301,824	341,061
Hộ gia đình	197,294	215,713	247,094	-	-
Doanh nghiệp	1,395	14,814	21,606	301,824	341,061
Tiền gửi và cho vay TCTD	12,768	19,460	30,442	44,922	48,123
Tiền gửi NHNN và TPCP	58,080	64,829	69,636	68,209	72,219
Trái phiếu VAMC	40	40	-	-	-
Tổng TS không sinh lãi	18,659	19,109	19,609	23,108	26,222
Khác	3,920	4,633	4,873	6,104	7,186
Tổng nợ phải trả	268,285	308,315	355,749	397,795	440,208
Tiền gửi của khách hàng	241,393	269,999	308,129	346,732	385,487
Trái phiếu	6,761	8,291	20,831	23,441	26,061
Tiền gửi và vay của TCTD	15,590	20,878	19,405	19,405	19,405
Tiền vay của CP và NHNN	-	3,074	-	-	-
Phải trả khác	4,541	6,073	7,384	8,217	9,255
Tổng VCSH	16,031	21,018	27,765	34,164	40,232
VCSH	16,031	21,018	27,765	34,164	40,232
Vốn điều lệ	10,273	12,886	16,627	16,627	16,627
Thặng dư VCSH	-	-	272	272	272
Quy khác	2,914	3,693	4,596	5,497	6,457
LN giữ lại	2,844	4,439	6,270	11,768	16,876
Thu nhập toàn diện khác	-	-	-	-	-
Cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-

**Kết quả kinh doanh**

(Tỷ đồng)

	2017A	2018A	2019A	2020F	2021F
Tổng thu nhập hoạt động	11,439	14,033	16,097	17,839	20,928
Thu nhập lãi thuần	8,458	10,363	12,112	13,297	15,636
Thu nhập lãi	20,320	24,015	28,318	31,071	35,496
Chi phí lãi	11,862	13,652	16,205	17,773	19,861
Thu nhập ngoài lãi	2,981	3,670	3,985	4,542	5,293
Thu phí và hoa hồng dịch vụ	1,425	1,739	2,327	2,878	4,043
Lãi từ đầu tư tài chính	664	117	158	811	435
Khác	892	1,815	1,500	853	815
Dự phòng rủi ro tính dụng	2,565	932	274	1,756	2,688
Thu nhập hoạt động ròng	8,874	13,101	15,824	16,083	18,241
Chi phí quản lý và bán hàng	6,217	6,712	8,308	8,084	9,484
Chi phí nhân viên	2,668	3,220	3,746	4,151	4,870
Lợi nhuận trước DPTD	5,222	7,321	7,790	9,755	11,444
LNTT	2,656	6,389	7,516	7,999	8,757
Thuế	538	1,252	1,506	1,600	1,751
Thuế suất hiệu dụng (%)	20.3	19.6	20.0	20.0	20.0
Lãi từ hoạt động chính	1,749	3,372	4,510	5,546	6,191
Hoàn nhập nợ đã trích lập	369	1,765	1,500	853	815
LN ròng	2,118	5,137	6,010	6,399	7,005
LN dành cho NH mẹ	2,118	5,137	6,010	6,399	7,005

**Chỉ số tài chính**

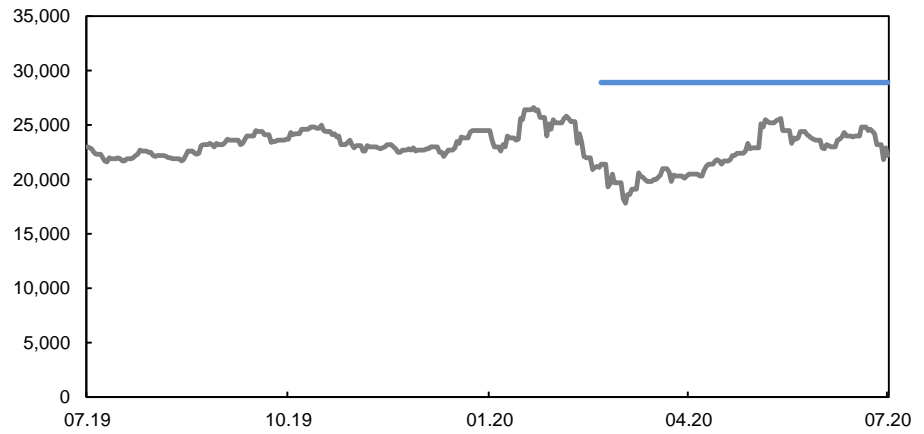
	2017A	2018A	2019A	2020F	2021F
<b>Sinh lợi và hiệu quả (%)</b>					
ROE	14.1	27.7	24.6	20.7	18.8
ROA	0.8	1.7	1.7	1.6	1.5
NIM	3.5	3.6	3.6	3.4	3.6
Lãi TB trên tài sản	8.4	8.3	8.3	8.0	8.2
Chi phí vốn	4.9	4.8	5.0	4.8	4.8
Tỷ lệ chi phí / thu nhập	54.4	47.8	51.6	45.3	45.3
Chi phí tín dụng	0.9	0.4	0.1	0.6	0.8
<b>Tăng trưởng (%)</b>					
LN dành cho NH mẹ	59.8	142.5	17.0	6.5	9.5
LNTDPTD	81.0	40.2	6.4	25.2	17.3
Tăng trưởng tín dụng	19.3	16.0	16.6	12.3	13.0
Tổng TS	21.7	15.8	16.5	12.6	11.2
<b>Chất lượng TS (%)</b>					
Tỷ lệ nợ xấu	0.7	0.7	0.5	0.9	0.9
Tỷ lệ dự trữ lỗ tín dụng	132.7	151.9	175.0	133.4	142.7
Tỷ lệ cho vay / huy động	76.9	78.6	78.4	78.6	80.3
<b>Tỷ lệ an toàn vốn (%)</b>					
CAR	8.0	10.1	10.9	11.8	12.4
CET1	n.a	n.a	9.7	10.6	11.2
Tier 1	6.7	8.6	9.7	10.6	11.2

**Chỉ số định giá**

	2017A	2018A	2019A	2020F	2021F
<b>Chỉ số trên mỗi cp (đồng, điều chỉnh)</b>					
BPS	9,887	12,963	16,761	20,547	24,196
EPS	1,276	3,107	3,568	3,788	4,149
Cổ tức	426	-	-	-	500
<b>Định giá (x)</b>					
P/B	2.2	1.7	1.3	1.1	0.9
P/E	17.1	7.0	6.1	5.8	5.3
P/PPE	6.8	4.8	4.6	3.7	3.2
Suất sinh lợi cổ tức (%)	2.0	-	-	-	2.3
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	33.4	-	-	-	12.1
<b>Phân tích ROE (%)</b>					
ROE	14.1	27.7	24.6	20.7	18.8
Đòn bẩy (x)	17.7	15.7	13.8	12.6	11.9
TS sinh lãi / Tổng TS	93.5	94.3	95.0	94.7	94.6
LN ròng / TS sinh lãi	0.8	1.6	1.6	1.5	1.5
Thu nhập lãi thuần / TS sinh lãi	3.1	3.3	3.3	3.2	3.4
Thu nhập ngoài lãi / TS sinh lãi	1.1	1.2	1.1	1.1	1.1
Chi phí tín dụng / TS sinh lãi	1.0	0.3	0.1	0.4	0.6
Chi phí QL&BH / TS sinh lãi	2.3	2.1	2.3	1.9	2.1

**Thay đổi khuyến nghị và giá mục tiêu**

Công ty	Ngày	Khuyến nghị	Giá mục tiêu (đồng)	% so với giá TB	% cao (thấp)
NHTM Cổ Phần Á Châu	20/03/2020	MUA	28,900		
	28/04/2020	MUA	28,900		
		MUA	28,900		



■ **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
- Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
- CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.

■ **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

■ **Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

■ **Thông tin công khai quan trọng**

Ở thời điểm cuối tháng liền trước của ngày phát hành báo cáo (hoặc cuối tháng thứ 2 liền trước nếu ngày phát hành báo cáo sau ngày cuối tháng liền trước ít hơn 10 ngày), CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không nắm giữ 1% hoặc nhiều hơn cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo.

Không có mâu thuẫn lợi ích quan trọng nào giữa chuyên viên phân tích, CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam và các bên liên quan tại thời điểm phát hành báo cáo.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không quản lý hoặc đồng quản lý việc phát hành ra công chúng cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo trong vòng 12 tháng qua.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không nhận được khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong 12 tháng qua; CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không kỳ vọng hoặc tìm kiếm các khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong ba tháng tới.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không tạo lập thị trường cho cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại thời điểm phát hành báo cáo.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không nắm hơn 1% cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 29/07/2020.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam đã không cung cấp trước báo cáo này cho các bên thứ ba khác.

Cả chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này và người liên quan không sở hữu cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 29/07/2020.

Người thực hiện: Trần Yến

## Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2020 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.